

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM CHO CB, GV, NV NĂM 2024

Số kinh phí tiết kiệm dành để bổ sung tăng thu nhập cho CB,VC,LĐ: 739.118.483
Tổng hệ số theo phân loại CB,VC,LĐ: 46,12

STT	Họ và tên	Xếp loại	Quy đổi	Số tháng hưởng	Hệ số phân loại	Tổng số tháng làm việc tại trường	Lương tăng thêm của cá nhân	Ghi chú
1	Lưu Thị Kim Oanh	A	1	4	0,333	4	5.337.120	Chuyển về từ tháng 9/2024
2	Đỗ Thị Hoà	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
3	Lê Hương Cẩm	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
4	Đỗ Thị Dương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
5	Nguyễn Thị Hạnh	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
6	Vũ T. Phương Hậu	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
7	Chu T. Thanh. Hương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
8	Nguyễn Thu Hương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
9	Nguyễn Thị Khanh	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
10	Ngô T. Hồng Loan	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
11	Tổng Thị Ngọc	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
12	Vũ Thị Ngọc	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
13	Vũ Thị Ninh	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
14	Đoàn T. B. Phương	B	0,9	12	0,900	12	14.424.639	
15	Nguyễn Cẩm Thanh	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
16	Hà Thị Chung	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
17	Vũ T. Thanh Thùy	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
18	Phạm Thị Hằng	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
19	Hoàng T Quỳnh Trang	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
20	Nghiêm Thị Ngân	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
21	Hà Thị Loan	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
22	Nguyễn Thị Tuyết	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
23	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
24	Nguyễn Thị Hoa	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
25	Đàm Thị Phương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
26	Lê Mỹ Duyên	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
27	Vũ Thị An	B	0,9	12	0,900	12	14.424.639	
28	Bùi Thị Thu Hằng	B	0,9	12	0,900	12	14.424.639	

STT	Họ và tên	Xếp loại	Quy đổi	Số tháng hưởng	Hệ số phân loại	Tổng số tháng làm việc tại trường	Lương tăng thêm của cá nhân	Ghi chú
29	Phạm Thu Huyền	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
30	Nguyễn Thị Mai	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
31	Nguyễn Bích Phương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
32	Nguyễn Thị Hương Lan	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
33	Nguyễn Thị Mai Phương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
34	Bùi Thị Phương Dung	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
35	Lê Thị Thu Hồng	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
36	Trần Thị Quỳnh Trang	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
37	Kiều Minh Trang	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
38	Bùi Anh Tú	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
39	Phạm Thị Hoài Thu	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
40	Phạm Thị Minh Huệ	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
41	Nguyễn Thị Thu Hà	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
42	Vũ Thị Hào	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
43	Nguyễn Thanh Hiền	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
44	Phạm Thị Thùy Dương	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
45	Hoàng Hiệp Định	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
46	Vũ Thanh Thảo	A	1	4	0,333	4	5.337.120	Chuyển về từ tháng 9/2024
47	Lê Thùy Linh	B	0,9	4	0,300	4	4.808.215	Chuyển về từ tháng 9/2024
48	Đặng Thị Thoa	A	1	12	1,000	12	16.027.376	
49	Nguyễn Thị Hương	B	0,9	6	0,450	6	7.212.319	về hưu từ 1/7/2024
	Tổng cộng		49	558	46,12	558	739.118.483	

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm ba mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng./.

KẾ TOÁN



Đỗ Trường Thu

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Thị Kim Oanh